

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK

Đính kèm Tờ trình số 06 /2018/TT-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2018

tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Stt	Điều lệ hiện hành	Điều lệ bổ sung, sửa đổi
1	CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I : ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ
2	Điểm c, Khoản 1, Điều 1 “ <u>Vốn Điều lệ</u> ” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ này	Bổ sung, sửa đổi Điểm c, Khoản 1, Điều 1 “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này
3	Điểm h Khoản 1 Điều 1 “ <u>Những người liên quan</u> ” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Luật Doanh nghiệp	"Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán
4		Điều 1: (bổ sung) "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do HĐQT phê chuẩn theo đề nghị của Tổng Giám đốc
5		Điều 2: (bổ sung) 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn
6	Điều 3: Địa vị pháp lý của Công ty và hình thức hoạt động	Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty
7	Điều 4. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty
8	Điều 5: Thời gian hoạt động	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty
9	Điều 6: Nguyên tắc tổ chức, hoạt động và điều hành công ty	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập
10	CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
11	Điều 7: Quyền của Công ty	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu
12	Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác
13	Điều 9: Tổ chức Đảng CSVN, Công đoàn và các tổ chức chính trị-xã hội khác	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Stt	Điều lệ hiện hành	Điều lệ bổ sung, sửa đổi
14	CHƯƠNG III: VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
15	Điều 10: Vốn Điều lệ	Điều 10. Thu hồi cổ phần
16	Điều 11: Cổ phần, cổ phiếu	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát
17	Điều 12: Chứng chỉ cổ phiếu	Điều 12. Quyền của cổ đông
18	Khoản 6 Điều 12 Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác	Điều 8: Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.
19	Điều 13: Chuyển nhượng cổ phần	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông
20	Điều 14: Phát hành trái phiếu	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông
21	Điều 15: Thu hồi cổ phần	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông
22	Điều 16: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	Điều 16. Đại diện theo ủy quyền
23	Điểm b, Khoản 4, Điều 16 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;	Bổ sung, sửa đổi thành điểm b, khoản 3, Điều 12 b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp
24	CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
25	Điều 17: Cơ cấu tổ chức quản lý	Điều 17. Thay đổi các quyền
26	Điều 18: Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông
27	Điểm p, Khoản 3, Điều 18 3. Đại hội đồng cổ đông có quyền ra Nghị quyết bằng cách thông qua các quyết định sau: p. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại điều 162.1 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20%	Bổ sung, sửa đổi thành Điểm n, Khoản 2, Điều 18 n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

Stt	Điều lệ hiện hành	Điều lệ bổ sung, sửa đổi
	tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	
28	Điểm o, Khoản 3, Điều 18 o. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;	Bỏ Điểm o Khoản 3 Điều 18 (Theo quy định tại Điều 2, Khoản 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP)
29	Điều 19: Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
30	Khoản 1 Điều 19 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 6c Điều 18 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 6d và 6e Điều 18.	Bổ sung, sửa đổi thành Điểm a, Khoản 4, Điều 14 a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này
31	Điều 20: Thủ tục mời họp ĐHĐCĐ	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
32	Khoản 1 Điều 20 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;	Bổ sung, sửa đổi thành Điểm a, Khoản 2, Điều 18 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông
33	Điểm c, Khoản 1, Điều 20 c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc	Bổ sung, sửa đổi thành Khoản 3, Điều 18 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)

Stt	Điều lệ hiện hành	Điều lệ bổ sung, sửa đổi
34	<p>Khoản 5, Điều 20</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước chậm nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (<i>tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ</i>)</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi thành Khoản 3, Điều 18</p>
35	<p>Điều 21: Điều kiện, thể thức tiến hành ĐHĐCĐ</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>
36	<p>Gạch đầu dòng thứ nhất Điểm b, Khoản 1, Điều 21</p> <p>b. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp; 	<p>Bổ sung, sửa đổi thành Điểm a, Khoản 2, Điều 16</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp</p>
37	<p>Điều 22: Hình thức và điều kiện thông quan nghị quyết ĐHĐCĐ</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>
38	<p>Khoản 2, Điều 22</p> <p>a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; + Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; + Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, + Tổ chức lại, giải thể công ty; <p>b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2.a và khoản 2.c Điều này</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi thành Khoản 3, Điều 21</p> <p>Các quyết định sau đây của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ; b. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; c. Tổ chức lại hay giải thể Công ty; d. Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán
39	<p>Điều 23: Thẩm quyền và thể thức lấy ý</p>	<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Điều lệ bổ sung, sửa đổi
	kiến cổ đông bằng văn bản...	
40	Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông
41	Điều 25: Thay đổi các quyền	Điều 17. Thay đổi các quyền
42	Khoản 1, Điều 25: Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 18.3 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó	Bổ sung, sửa đổi thành Khoản 1, Điều 17: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua
43	Điều 26: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
44	Điều 27: Hội đồng quản trị	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
45	Khoản 2, Điều 27 Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 20% tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	Bổ sung, sửa đổi thành Khoản 2, Điều 26 Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị
46	Điều 28: Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị
47	Điều 29: Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
48	Điều 30: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị
49	Khoản 1, Điều 30 Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty	Bổ sung, sửa đổi thành Khoản 1, Điều 29 Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty
50	Điều 31: Các cuộc họp của HĐQT	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
51	Khoản 2, Điều 31 Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 ngày trước ngày họp dự kiến	Bổ sung, sửa đổi thành Khoản 2, Điều 30 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi

Stt	Điều lệ hiện hành	Điều lệ bổ sung, sửa đổi
		xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần
52	<p>Khoản 15 Điều 31</p> <p>Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Tách thành Điều khoản riêng (Điều 31)</p> <p>Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự - lương thưởng, giám sát,... Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị</p>
53	Điều 32: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty (Bổ sung mới theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC)
54	Điều 33: Quyền lợi của thành viên HĐQT	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý
55	Điều 34: Tổng Giám đốc điều hành	Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp
56	<p>Khoản 9, Điều 34</p> <p>9. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi thành Khoản 5, Điều 35</p> <p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế</p>
	Điều 35: Quyền và nhiệm vụ củ Tổng	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và

Stt	Điều lệ hiện hành	Điều lệ bổ sung, sửa đổi
	Giám đốc	quyền hạn của Tổng Giám đốc
57	Điều 36: Ủy quyền – Ủy nhiệm	Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên
58	Điều 37. Người quản lý công ty	Điều 37. Kiểm soát viên
59	Điều 38: Quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Điều 38. Ban kiểm soát
60	Điều 39: Thư ký Công ty	Điều 39. Trách nhiệm cần trọng
61	<p>Điều 39. Thư ký công ty</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.</p> <p>b. Làm biên bản các cuộc họp.</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.</p> <p>d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Thay thế nội dung và sửa tên Điều 32: Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Điều lệ bổ sung, sửa đổi
		luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty. h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
62	Điều 40: Trách nhiệm căn trọng của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc....	Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
63	Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Bổ sung, sửa đổi thành Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
64	Điểm a, b, Khoản 4, Điều 41 a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này	Bổ sung, sửa đổi thành Điểm a, b, Khoản 5, Điều 40 a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này
65	Điều 42: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi	Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

Stt	Điều lệ hiện hành	Điều lệ bổ sung, sửa đổi
	thường	
66	Điều 43: Ban kiểm soát	Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của người lao động
	Khoản 1, Điều 43 1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế	Bổ sung, sửa đổi thành Khoản 1, Điều 37 1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế
67	Điều 44: Tiêu chuẩn và điều kiện của BKS	Điều 44. Phân phối lợi nhuận
	Khoản 1, Điều 44 1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp; b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty; d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty	Bổ sung, sửa đổi thành Khoản 2, Điều 37 2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó
68	Điều 45: Quyền và nghĩa vụ của BKS	Điều 45. Tài khoản ngân hàng
69	Điều 46: Quyền được cung cấp thông tin của BKS	Điều 46. Năm tài chính
70	Điều 47: Tiền lương và quyền lợi khách của BKS	Điều 47. Chế độ kế toán
71	Điều 48: Trách nhiệm của BKS	Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý
72	Điều 49: Miễn nhiệm, bãi nhiệm BKS	Điều 49. Báo cáo thường niên
73	Điều 50: Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty	Điều 50. Kiểm toán
74	Điều 51: Quyền và nghĩa vụ của người lao động	Điều 51. Con dấu
75	Điều 52: Cổ tức	Điều 52. Chấm dứt hoạt động
76	Điều 53: Các vấn đề liên quan đến phân	Điều 53. Gia hạn hoạt động

Stt	Điều lệ hiện hành	Điều lệ bổ sung, sửa đổi
	chia lợi nhuận	
77	Điều 54: Tài khoản ngân hàng	Điều 54. Thanh lý
78	Điều 55: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ
79	Điều 56: Năm tài khoá	Điều 56. Điều lệ công ty
80	Điều 57: Hệ thống kế toán	Điều 57. Ngày hiệu lực
	<p>Điểm a, Khoản 3, Điều 65: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải (trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị) thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu cơ quan đại diện pháp luật chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi thành Điểm a, Khoản 1, Điều 55 Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp</p>
81	Các Điều 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70	Đã được chuyển đổi thành các Điều liên quan trong dự thảo